TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2018/DS-PT
Ngày 09 - 5 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều
Bà Châu Minh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Trung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu: Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng dân sự.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXPT-DS ngày 21 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mã Ngọc N, sinh năm 1947 (có mặt).
Địa chỉ: Số 26A, đường V, Hẻm 14, Khóm 8, Phường 3, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Ông Mã Thiện T, sinh năm 1950 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1964 (có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Mã Thiện T, sinh năm 1950.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Mã Ngọc N trình bày: Trong năm 2008, bà có cho ông Mã Thiện T vay tiền nhiều lần tổng cộng 10.000.000 đồng, không tính lãi. Đến ngày 06/3/2009

bà cho ông T vay thêm 10.000.000 đồng, ông T ghi biên nhận cho bà với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng. Từ khi vay tiền của bà, ông T có đóng lãi cho bà được 03 lần, mỗi lần 400.000 đồng, tổng số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Đến ngày 13/3/2009 (âm lịch) bà cho ông T vay thêm 1.000.000 đồng, không tính lãi. Từ khi vay tiền đến nay, ông T chưa trả cho bà số tiền gốc đã vay. Nay bà yêu cầu ông T trả cho bà 40.000.000 đồng, trong đó nợ gốc 21.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/10/2009 đến ngày 02/10/2017, lãi suất 1%/tháng là 19.000.000 đồng.

Bị đơn ông Mã Thiện T trình bày: Ông T thừa nhận có vay của bà Mã Ngọc N số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 06/3/2009 (nhằm ngày 10/02/2009 âm lịch), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, hai bên có làm biên nhận do bà N viết sẵn nhưng ông không ký tên, sau đó ông viết lại biên nhận khác nội dung giống tờ biên nhận do bà N viết trước đó. Từ khi vay tiền của bà N, ông có đóng lãi cho bà N 03 lần với số tiền 1.200.000 đồng. Đối với số tiền 1.000.000 đồng, ông thừa nhận có vay của bà N nhưng ông đã trả xong cho bà N, do thời gian quá lâu ông không nhớ đã trả cho bà N thời gian nào và khi trả bà N có yêu cầu ông viết biên nhận nhận tiền. Đối với số tiền 20.000.000 đồng thì ông và bà N thỏa thuận đối trừ khoản nợ bà N đã vay của mẹ ông là cụ Quang Thị A số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng vào ngày 01/01/2009, nên ông không còn nợ bà N khoản tiền này. Nay ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của bà N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà thống nhất ý kiến trình bày của chồng bà ông Mã Thiện T. Bà D xác định những dòng chữ ghi thêm trong tờ biên nhận ngày 06/3/2009 (nhằm ngày 10/2/2009) do bà N viết sẵn trước đó là do bà viết thêm vào những chữ *"Tính bỏ xong"* và *"Đã thỏa thuận tính qua nội"*, sau khi bà N và ông T đối trừ nợ với nhau và giao biên nhận trên cho vợ chồng bà xé bỏ. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Từ nội dung trên tại Bản án số: 38/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Mã Ngọc N đối với ông Mã Thiện T về việc tranh chấp hợp đồng dân sự.

Buộc ông Mã Thiện T và bà Nguyễn Thị D thanh toán cho bà Mã Ngọc N số tiền gốc 21.000.000 đồng và tiền lãi 19.000.000 đồng. Tổng cộng: 40.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí; áp dụng Luật Thi hành án dân sự trong giai đoạn thi hành án, lãi suất chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2017, bị đơn ông Mã Thiện T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Ngọc N yêu cầu ông trả số tiền 40.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 21.000.000 đồng và lãi 19.000.000 đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Mã Thiện T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Mã Thiện T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 38/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của ông Mã Thiện T, Hội đồng xét xử, xét thấy: Các đương sự thống nhất ngày 06/3/2009 ông Mã Thiện T có vay của bà Mã Ngọc N số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng và ngày 13/3/2009 (âm lịch) ông T vay thêm số tiền 1.000.000 đồng, không tính lãi suất. Từ khi vay đến nay, ông T đã đóng lãi cho bà N được 03 tháng, mỗi tháng 400.000 đồng, tổng số tiền lãi là 1.200.000 đồng. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Đối với khoản nợ 20.000.000 đồng, ngày 06/3/2009, lãi suất 2%/tháng, ông Tâm xác định ông và bà N đã thỏa thuận cấn trừ qua khoản nợ mà bà N vay của mẹ ông là cụ Quang Thị A số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng vào ngày 01/01/2009, nên ông không còn nợ bà N số tiền 20.000.000 đồng. Để chứng minh cho lời trình bày của mình ông T có cung cấp biên nhận ngày 10/02/2009 âm lịch (ngày 06/3/2009 dương lịch).

[4] Xét biên nhận ngày 10/02/2009 âm lịch (ngày 06/3/2009 dương lịch), Hội đồng xét xử, xét thấy: Bà N thừa nhận biên nhận này bà N viết và ký tên, dòng chữ ghi thêm *"Đã thỏa thuận tính qua nội"*, *"Tính bỏ xong"* trong tờ biên nhận này các đương sự thống nhất xác định do bà Nguyễn Thị D (bà D là vợ của ông T) viết, ông T xác định bà D viết tại nhà cụ A sau khi ông và bà N đã thỏa thuận cấn trừ qua nợ của bà N nợ cụ Ân. Bà N không thừa nhận lời trình bày này của ông T, nên ông T phải có nghĩa vụ chứng minh. Tuy nhiên, ngoài biên nhận này thì ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của ông, nên cấp sơ thẩm tuyên buộc ông T trả cho bà N nợ gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ, giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

[5] Bà N yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng của số tiền vay 20.000.000 đồng từ ngày 06/10/2009 đến ngày 02/10/2017 số tiền 19.000.000 đồng, Hội đồng xét xử,

xét thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà N xác định ông T chỉ trả cho bà 03 tháng tiền lãi bằng số tiền 1.200.000 đồng thì ông T không trả lãi cho bà nữa, sau đó bà có đến nhà ông T để yêu cầu ông T trả lãi thì ông T nói đã cấn trừ qua nợ của bà nợ cụ A, nên ông T không trả lãi cho bà, lúc đó bà và cụ A có thỏa thuận miệng với nhau là ông T không tiếp tục trả lãi cho bà thì bà không trả lãi cho cụ A thì cụ A đồng ý. Sau khi thỏa thuận với cụ A thì bà N xác định bà không trả lãi cho cụ A và bà cũng không đòi ông T trả lãi cho bà, nên việc đối trừ lãi là có xảy ra theo sự thừa nhận của bà N. Do đó, yêu cầu tính lãi của bà N số tiền 19.000.000 đồng không có căn cứ chấp nhận, sửa phần này của án sơ thẩm.

[6] Đối với khoản nợ 1.000.000 đồng ngày 13/3/2009 (âm lịch), ông T xác định đã trả xong cho bà N, bà N không thừa nhận, ông T không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, nên cấp sơ thẩm buộc ông T trả cho bà N số tiền 1.000.000 đồng là có căn cứ, giữ nguyên phần này của án sơ thẩm.

[7] Do sửa một phần Bản án sơ thẩm nên án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính lại theo quy định của pháp luật, cụ thể: Ông Mã Thiện T, bà Nguyễn Thị D phải nộp 1.050.000 đồng; bà Mã Ngọc N phải nộp 950.000 đồng.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mã Thiện T, chấp nhận một phần đề nghị của kiểm sát viên, sửa một phân Bản án sơ thẩm số: 38/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

[9] Án phí dân sự phúc thẩm, ông Mã Thiện T không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 và Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; điểm b khoản 1 Điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Mã Thiện T. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Mã Ngọc N đòi ông Mã Thiện T trả số tiền vay 21.000.000 đồng.

Buộc ông Mã Thiện T và bà Nguyễn Thị D trả cho bà Mã Ngọc N số tiền vay 21.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mã Ngọc N đòi ông Mã Thiện T trả số tiền lãi 19.000.000 đồng.

3. Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Mã Thiện T và bà Nguyễn Thị D phải nộp 1.050.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

Bà Mã Ngọc N phải nộp 950.000 đồng, bà Mã Ngọc N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu số 0004500 ngày 09/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí, bà Mã Ngọc N được nhận lại số tiền 50.000 đồng.

+ Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Mã Thiện T không phải chịu. Ông Mã Thiện T đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009260 ngày 27/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

5. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND V;
- CCTHADS V;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Thanh Dũng